

# Màn hình Dell P3418HW

## Hướng Dẫn Người Sử Dụng

Mẫu màn hình: P3418HW  
Mẫu quy định: P3418HWf





**LƯU Ý: LƯU Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.



**CHÚ Ý: CHÚ Ý** cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.



**CẢNH BÁO: CẢNH BÁO** cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc chết người.

**Bản quyền © 2017 Dell Inc. hoặc các công ty con của Dell.** Bảo lưu mọi bản quyền. Dell, EMC và các thương hiệu khác là thương hiệu của Dell Inc. hoặc các công ty con của Dell. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của các công ty sở hữu riêng của chúng.

**2017 – 07**

**Rev. A00**

# Contents

<b>Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn</b> . . . . .	<b>6</b>
Thành Phần Trong Hộp . . . . .	6
Tính Năng Sản Phẩm . . . . .	7
Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển . . . . .	8
<b>Thông Số Màn Hình</b> . . . . .	<b>10</b>
Thông Số Màn Hình Phẳng. . . . .	10
Thông Số Độ Phân Giải . . . . .	12
Chế độ video được hỗ trợ . . . . .	13
Chế độ hiển thị cài sẵn. . . . .	13
Thông Số Điện . . . . .	13
Thông Số Loa . . . . .	14
Đặc Điểm Vật Lý . . . . .	14
Đặc Tính Môi Trường. . . . .	15
Chế Độ Quản Lý Điện . . . . .	15
<b>Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)</b> . . . . .	<b>20</b>
<b>Khả Năng Cắm và Chạy</b> . . . . .	<b>22</b>
<b>Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD</b> . . . . .	<b>22</b>
<b>Hướng Dẫn Bảo Trì</b> . . . . .	<b>22</b>
Vệ Sinh Màn Hình. . . . .	22
<b>Cài Đặt Màn Hình</b> . . . . .	<b>23</b>
<b>Lắp Chân Đế</b> . . . . .	<b>23</b>
<b>Kết Nối Màn Hình Của Bạn</b> . . . . .	<b>26</b>
Kết nối cáp HDMI . . . . .	26
Kết nối cáp DisplayPort đen (DP sang DP) . . . . .	26

Kết nối cáp DisplayPort đen (Mini-DP sang DP) . . . . .	26
Kết nối cáp USB 3.0 . . . . .	27
Quản Lý Cáp Của Bạn . . . . .	28
Tháo Chân Đế Màn Hình . . . . .	29
Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn) . . . . .	30
<b>Sử Dụng Màn Hình . . . . .</b>	<b>31</b>
Bật Nguồn Màn Hình . . . . .	31
Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước . . . . .	31
Dùng các nút chức năng ở mặt trước màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh. . . . .	31
Nút mặt trước . . . . .	32
Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD) . . . . .	32
Truy cập hệ thống menu . . . . .	32
Thông Báo Cảnh Báo OSD . . . . .	47
Cài đặt độ phân giải tối đa . . . . .	51
Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet . . . . .	52
Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell . . . . .	52
Sử dụng Nghiêng, Xoay và Kéo Thẳng . . . . .	53
Nghiêng, Xoay . . . . .	53
Kéo Thẳng. . . . .	54
<b>Xử lý sự cố . . . . .</b>	<b>55</b>
Tự kiểm tra. . . . .	55
Chẩn đoán tích hợp . . . . .	56
Vấn Đề Thường Gặp . . . . .	57
Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm . . . . .	61
Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB) . . . . .	62

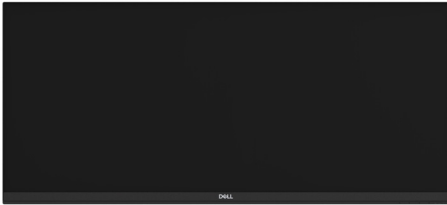

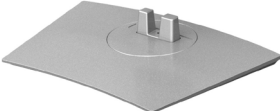


Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm . . . . .	63
<b>Phụ lục . . . . .</b>	<b>64</b>
Hướng dẫn an toàn . . . . .	64
Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin Quy định Khác . . . . .	64
Liên hệ Dell . . . . .	64

# Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn



## Thành Phần Trong Hộp

Màn hình của bạn có các phụ kiện đi kèm được nêu dưới đây. Đảm bảo bạn nhận được tất cả các phụ kiện và Liên hệ với Dell kiểm tra xem có phần nào bị thiếu không.

**CHÚ Ý:** Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được giao kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc nội dung có thể không có ở một số nước.

	<ul style="list-style-type: none"><li>• Màn hình</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bộ nâng chân đế</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bộ chân đế</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cáp Nguồn (Khác nhau tùy theo quốc gia)</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cáp DP (Mini-DP sang DP)</li></ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cáp Nối Lên USB 3.0 (Lắp cổng USB trên màn hình)</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh</li> <li>• Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định</li> </ul>

## Tính Năng Sản Phẩm

Màn hình phẳng Dell P3418W có Bán Dẫn Màng Mỏng (TFT), ma trận chủ động, Màn Hình Hiển Thị Tinh Thể Lỏng (LCD), và đèn nền LED. Tính năng màn hình gồm có:

- P3418HW: Vùng hiển thị nhìn được là 86,7 cm (34-inch) (đo chéo). Độ phân giải 3440 x 1440, có thể hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Góc nhìn rộng cho phép nhìn từ vị trí ngồi hoặc đứng.
- Nghiêng, xoay, kéo dọc, và khả năng điều chỉnh xoay.
- Mép vát siêu mỏng làm giảm khoảng cách mép vát khi sử dụng đa màn hình, cho phép dễ dàng thiết lập để có trải nghiệm xem đẹp mắt.
- Chân đế tháo rời và lỗ lắp 100 mm theo quy định của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) mang tới giải pháp lắp ráp linh hoạt.
- Khả năng cắm và chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Gam màu 99% sRGB.
- Điều chỉnh được Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Có phần mềm Dell Display Manager.
- Khe khóa an toàn.
- Khóa chân đế.
- Khả năng chuyển đổi từ góc rộng sang tỷ lệ góc cạnh tiêu chuẩn trong khi vẫn duy trì được chất lượng hình ảnh.
- 0.5 W standby power when in the sleep mode.
- Sử dụng 0,5 W điện chờ khi ở chế độ ngủ.
- Tối ưu sự thoải mái cho mắt với màn hình không bị nhấp và tính năng ComfortView giúp giảm thiểu phát xạ ánh sáng xanh.



**CHÚ Ý:** Các tác động lâu dài tiềm ẩn của tia sáng xanh từ màn hình có thể gây hại cho mắt, kể cả sự mỏi mắt hoặc căng mắt kỹ thuật số. Tính năng ComfortView được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình nhằm tối ưu hóa sự thoải mái của mắt.

## Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển

### Nhìn Từ Trước



1	Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử Dụng Màn Hình)
2	Nút Bật/Tắt nguồn (có chỉ báo đèn LED)

### Mặt bên



Mặt sau cùng giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ lắp đặt theo VESA (100 mm)	Để lắp đặt màn hình.
2	Nhãn công suất quy định	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.

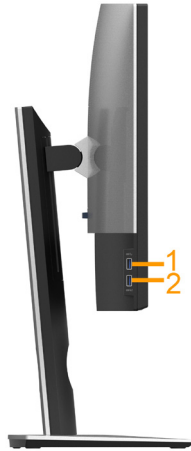


## Màn Hi



3	Nhãn số sê ri mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.
4	Khe khóa an toàn.	Giữ chặt màn hình bằng khóa an toàn (khóa an toàn không kèm theo màn hình).
5	Khe cắm quản lý cáp	Dùng để sắp xếp các loại cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua rãnh này.

### Nhìn Từ Phía Bên

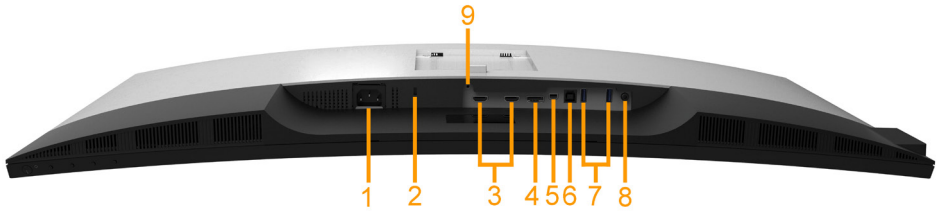


Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Cổng xuống USB	Kết nối thiết bị USB. Bạn chỉ có thể sử dụng đầu nối này sau khi đã kết nối cáp USB vào máy tính và vào đầu nối lên USB trên màn hình.*
2	Cổng xuống USB có sạc nguồn	Kết nối để sạc thiết bị của bạn.

\* Để tránh nhiễu tín hiệu, khi thiết bị USB không dây đã được kết nối vào cổng xuống USB, KHÔNG khuyến khích kết nối bất kỳ thiết bị USB nào khác vào (các) cổng ở gần.

### Nhìn Từ Dưới





Nhãn Label	Mô tả	Sử dụng
1	Đầu nối dây nguồn AC	Nối cáp nguồn.
2	Khe khóa an toàn	Giữ an toàn màn hình với khóa an toàn (không có kèm khóa an toàn).
3	Đầu nối cổng HDMI	Kết nối máy tính với cáp HDMI.
4	Đầu nối vào DisplayPort	Kết nối máy tính với cáp DP.
5	Đầu nối vào Mini DisplayPort	Kết nối máy tính của bạn với cáp Mini-DP sang DP.
6	Cổng nối lên USB	Kết nối cáp USB đi kèm với màn hình vào máy tính. Sau khi đã kết nối cáp này, bạn có thể sử dụng các đầu nối USB trên màn hình.
7	Cổng nối xuống USB	Kết nối thiết bị USB. Bạn chỉ có thể sử dụng đầu nối này sau khi đã kết nối cáp USB vào máy tính và vào đầu nối lên USB trên màn hình.**
8	Đường ra âm thanh	Cắm phích stereo mini của Hệ thống loa thanh (Hỗ trợ đầu ra 2 kênh)
9	Tính năng khóa chân đế	Để khóa chân đế với màn hình, sử dụng vít M3 x 6 mm (vít không được đi kèm).

## Thông Số Màn Hình

### Thông Số Màn Hình Phẳng



<b>Dòng máy</b>	<b>P3418HW</b>
Kiểu màn hình	Ma trận chủ động- TFT LCD
Công nghệ màn hình phẳng	Loại tinh thể chuyển hướng trong mặt phẳng
Hình ảnh xem được Chéo	86.704 cm (34 inches) (Tỷ Lệ Khung Hình: 21:9)
Vùng Hoạt Động, Ngang	799.80 mm (31.49 inches)
Vùng Hoạt Động, Dọc	334.80 mm (13.18 inches)
Khu vực	267773.04 mm <sup>2</sup> (415.01 inches <sup>2</sup> )
Kích thước phác thảo	813.9mm(dọc) x 368.1mm(ngang)x 37.8 mm (thông thường)
Mật độ điểm ảnh	0.312 mm x 0.310 mm
Điểm ảnh mỗi inch	81.4 x 81.9
Góc nhìn dọc	172° thông thường
ngang	178° thông thường
Công suất chiếu sáng	300 cd/m <sup>2</sup> (thông thường)
Tỷ lệ tương phản	1000 to 1 (thông thường)
Đèn nền	Chống lóa với độ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn mép LED
Thời gian phản hồi 8	Trên ổ đĩa : 5 ms (thông thường) cho chế độ NHANH 8 ms (thông thường) cho chế độ BÌNH THƯỜNG
Độ sâu màu	16.78 tỷ màu
Gam màu	99% sRGB *



Kết nối •	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 2 x HDMI 1.4 (HDCP 1.4)</li> <li>• 1 x DP 1.2 (HDCP 1.4)</li> <li>• 1 x mDP (HDCP 1.4)</li> <li>• 1 x USB 3.0 port - Lên</li> <li>• 2 x USB 3.0 port - Phía bên (1 Cổng Nạp Nguồn)</li> <li>• 2 x USB 3.0 port - Phía dưới</li> <li>• 1 x Audio Line Out</li> </ul>
Độ rộng viền (mép màn hình đến vùng hoạt động)	7.05 mm (Trái/Phải) 8.0 mm (Trên) 25.3 mm (Phía dưới)
Khả năng điều chỉnh	
Chân chỉnh chiều cao	0 đến 115 mm
Nghiêng	-5° đến 21°
Xoay	-30° đến 30°
Trục	Không áp dụng
Tương Thích Dell Display Manager	Có
Bảo mật	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khe khóa bảo mật (khóa cáp bán riêng)</li> <li>• Khe khóa bộ chống trộm (vào khung)</li> </ul>

\* Gam màu (chuẩn) của màn hình P3418HW dựa trên các tiêu chuẩn CIE1931 .

### Thông Số Độ Phân Giải

<b>Dòng máy</b>	<b>P3418HW</b>
Phạm vi quét ngang 3	30 kHz to 83 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc 4	56 Hz to 76 Hz (tự động)
Độ phân giải cài đặt sẵn tối đa	2560 x 1080 at 60 Hz



## Chế độ video được hỗ trợ

<b>Dòng máy</b>	<b>P3418HW</b>
Khả năng phát video (phát HDMI & DP)	480p, 576p, 720p, 1080i, 1080p

## Chế độ hiển thị cài sẵn

Bảng sau đây liệt kê các chế độ cài sẵn mà theo đó Dell đảm bảo cỡ hình và cách định tâm:

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/ Dọc)
VESA, 720 x 400	31.5	70.1	28.3	-/+
VESA, 640 x 480	31.5	59.9	25.2	-/-
VESA, 640 x 480	37.5	75.0	31.5	-/-
VESA, 800 x 600	37.9	60.3	40.0	+/+
VESA, 800 x 600	46.9	75.0	49.5	+/+
VESA, 1024 x 768	48.4	60.0	65.0	-/-
VESA, 1024 x 768	60.0	75.0	78.8	+/+
VESA, 1152 x 864	67.5	75.0	108.0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64.0	60.0	108.0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80.0	75.0	135.0	+/+
VESA, 1600 x 900	60.0	60.0	108.0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67.5	60.0	148.5	+/+
VESA, 2560 x 1080	66.6	60.0	185.5	+/-

## Thông Số Điện

<b>Dòng máy</b>	<b>P3418HW</b>
Tín hiệu vào video	HDMI 1.4/DP 1.2*, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai
Điện áp AC/tần số/ dòng điện vào	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz + 3 Hz / 1,5 A (thông thường)
Điện khởi động	120 V: 40 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội) 220 V: 80 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)



\* Hỗ trợ thông số kỹ thuật DP1.2, bao gồm âm thanh HBR2, MST và DP.

## Thông Số Loa

Dòng máy	<b>P3418HW</b>
Loa	2 x 9.0 W
Trở kháng	8 ohm

## Đặc Điểm Vật Lý

The following table lists the monitor's physical characteristics:

Model Number	<b>P3418HW</b>
Kiểu cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none"><li>Số: tháo rời được, HDMI, 19 chân</li><li>Số: tháo rời được, HDMI, 19 chân</li><li>Cổng Kết Nối Đa Dụng: tháo rời được, USB, 9 chân</li></ul>
Kích thước (có chân đế)	
Chiều cao (kéo dài)	532.6 mm (20.97 inch)
Chiều cao (thu gọn)	417.6 mm (16.44 inch)
Chiều rộng	813.9 mm (32.04 inch)
Chiều sâu	226.4 mm (8.91 inch)
Kích thước (không có chân đế)	
Chiều cao	368.1 mm (14.49 inch)
Chiều rộng	813.9 mm (32.04 inch)
Chiều sâu	51.35 mm (2.02 inch)
Kích thước chân đế	
Chiều cao (kéo dài)	416.9 mm (16.41 inch)
Chiều cao (thu gọn)	410.0 mm (16.14 inch)
Chiều rộng	342.2 mm (13.47 inch)
Chiều sâu	226.4 mm (8.91 inch)



Trọng lượng	
Trọng lượng gồm bao bì	14.58 kg (31.30 lb)
Trọng lượng gồm bộ chân đế và cáp	10.09 kg (22.24 lb)
Trọng lượng không có bộ chân đế (Để tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp)	6.81 kg (15.01lb)
Trọng lượng của bộ chân đế	2.76 kg (6.08 lb)

## Đặc Tính Môi Trường

Bảng sau đây liệt kê các điều kiện môi trường cho màn hình của bạn:

<b>Dòng máy</b>	<b>P3418HW</b>
Tiêu Chuẩn Tương Thích	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đáp ứng yêu cầu về rò rỉ N FPA 99.</li> <li>• Tuân thủ quy định RoHS</li> <li>• Không có BFR/PVC - (không có Halogen), trừ cáp bên ngoài.</li> <li>• Màn hình bằng kính không có thạch tín và thủy ngân.</li> </ul>	
Nhiệt độ	
• Hoạt động	0 °C đến 40 °C (32 °F đến 104 °F)
• Không hoạt động	Bảo quản: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F) Vận chuyển: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)
Độ cao	
• Hoạt động	10 % to 80 % (tối đa)
• Không hoạt động	Bảo quản: 5 % to 90 % (tối đa) Không hoạt động 10 % to 90 % (tối đa)
Độ cao	
• Hoạt động	4,000 m (12,000 ft) (tối đa)
• Không hoạt động	12,191 m (40,000 ft) (tối đa)
Tản nhiệt	410 BTU/giờ (tối đa) 137 BTU/giờ (bình thường)

## Chế Độ Quản Lý Điện



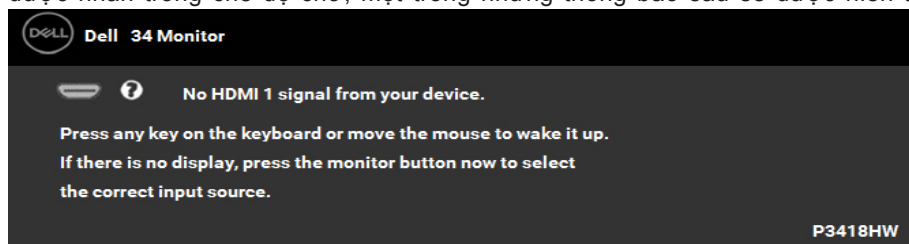
Nếu bạn có card hoặc phần mềm hiển thị tuân thủ DPM™ của VESA cài đặt trong máy tính của bạn thì màn hình có thể tự động giảm tiêu thụ điện khi không sử dụng. Tính năng này được gọi là Chế Độ Tiết Kiệm Điện\*. Nếu máy tính phát hiện có nhập liệu từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị nhập liệu khác, thì màn hình sẽ tự động khôi phục hoạt động. Bảng sau thể hiện mức tiêu thụ điện và báo hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

Chế Độ VESA	Đồng Bộ Ngang	Đồng Bộ Dọc	Video	Đèn Báo Nguồn	Tiêu Thụ Điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	120W (tối đa)** 40 W (thông thường)
Chế độ chờ	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Trắng	Less than 0.5 W
Tắt nguồn	-	-	-	Tắt	Nhỏ hơn 0,3 W*

\* Chỉ có thể đạt được mức tiêu thụ điện bằng không trong chế độ TẮT bằng cách rút cáp nguồn khỏi màn hình.

\*\* Tiêu thụ điện tối đa với mức chiếu sáng tối đa và USB hoạt động.

OSD chỉ hoạt động trong chế độ hoạt động bình thường. Khi có bất kỳ nút nào được nhấn trong chế độ chờ, một trong những thông báo sau sẽ được hiển thị:

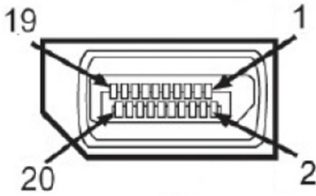


Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập vào **OSD**.





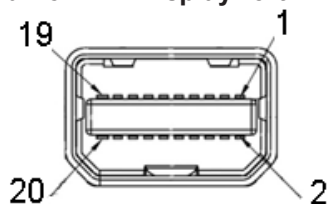
**Chỉ Định Chân  
Đầu nối DisplayPort**



Số Chân	Mặt 20 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	ML_Lane 3(n)
2	GND
3	ML_Lane 3(p)
4	ML_Lane 2(n)
5	GND
6	ML_Lane 2(p)
7	ML_Lane 1(n)
8	GND
9	ML_Lane 1(p)
10	ML_Lane 0(n)
11	GND
12	ML_Lane 0(p)
13	CONFIG1
14	CONFIG2
15	AUX CH(p)
16	GND
17	AUX CH(n)
18	Hot Plug Detect
19	Return
20	DP_PWR



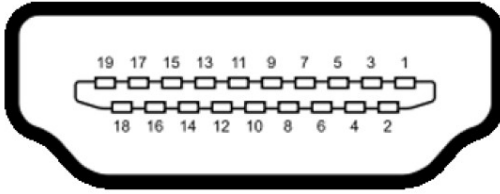
## Đầu nối Mini DisplayPort



Số Chân	Mặt 20 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	GND
2	Hot Plug Detect
3	ML_Lane 3(n)
4	CONFIG1
5	ML_Lane 3(p)
6	CONFIG2
7	GND
8	GND
9	ML_Lane 2(n)
10	ML_Lane 0(n)
11	ML_Lane 2(p)
12	ML_Lane 0(p)
13	GND
14	GND
15	ML_Lane 1(n)
16	AUX CH(p)
17	ML_Lane 1(p)
18	AUX CH(n)
19	GND
20	DP_PWR



## Đầu nối connector



Số Chân	Mặt 19 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	TMDS Data 2+
2	TMDS Data 2 Shield
3	TMDS Data 2-
4	TMDS Data 1+
5	TMDS Data 1 Shield
6	TMDS Data 1-
7	TMDS Data 0+
8	TMDS Data 0 Shield
9	TMDS Data 0-
10	TMDS Clock+
11	TMDS Clock Shield
12	TMDS Clock-
13	CEC
14	Utility
15	SCL
16	SDA
17	ODC/CEC Ground
18	+5 V Power
19	Hit Plug Detect



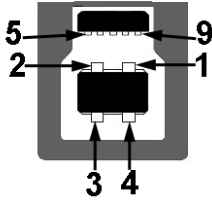
## Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có trên màn hình.

**CHÚ Ý:** Màn hình này tương thích USB 3.0 tốc độ cực nhanh.

Tốc Độ Truyền	Tốc Độ Dữ Liệu	Tiêu Thụ Điện*
Tốc độ cực nhanh	5 Gbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ cao	480 Mbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ đầy đủ	12 Mbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)

### Đầu Nối Lên USB



Số Chân	Mặt 9 Chân Của Đầu Nối
1	VBUS
2	D-
3	D+
4	GND
5	StdB_SSTX-
6	StdB_SSTX+
7	GND_DRAIN
8	StdB_SSRX-
9	StdB_SSRX+
Shell	Shield



## Đầu Nối Xuống USB




Số Chân	Mặt 9 Chân Của Đầu Nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	StdA_SSRX_
6	StdA_SSRX+
7	GND_DRAIN
8	StdA_SSTX-
9	StdA_SSTX+
Shell	Shield

### Cổng USB

- 1 x cổng lên USB 3.0 - phía dưới
- 4 x cổng xuống USB -2 phía dưới 2phía bên
- Cổng Nạp Nguồn - cổng có biểu tượng tia sét ; hỗ trợ khả năng nạp điện nhanh, nếu thiết bị tương thích BC1.2.

 **CHÚ Ý:** Chức năng USB 3.0 đòi hỏi máy tính phải hỗ trợ USB 3.0.

 **CHÚ Ý:** Giao diện USB của màn hình này chỉ hoạt động khi màn hình đang Bật hoặc ở trong chế độ tiết kiệm điện. Nếu bạn Tắt màn hình và sau đó Bật lại, các thiết bị ngoại vi kèm theo có thể mất một vài giây để khôi phục chức năng bình thường.



## Khả Năng Cắm và Chạy

Bạn có thể cài đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với khả năng Cắm và Chạy. Màn hình sẽ tự cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Biết Hiển Thị Mở Rộng (EDID) sử dụng các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự động cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình là tự động; bạn có thể chọn cài đặt khác nếu muốn.


## Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, đôi khi có một hoặc nhiều điểm ảnh bị cố định ở một trạng thái không thay đổi, khó có thể nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại:

<http://www.dell.com/support/monitors>.

## Hướng Dẫn Bảo Trì

### Vệ Sinh Màn Hình

 **THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo Hướng Dẫn Về An Toàn trước khi vệ sinh màn hình.

 **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ điện.

Để biết cách làm tốt nhất, hãy làm theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở hộp, vệ sinh hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện của bạn, nhúng nhẹ miếng vải mềm, sạch vào nước. Nếu có thể, sử dụng vải mỏng vệ sinh màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất tẩy rửa, amoniac, chất tẩy rửa mài mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng vải nhúng nước ấm để vệ sinh màn hình. Tránh sử dụng bất cứ chất tẩy rửa nào do một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trên màn hình.
- Nếu bạn thấy có lớp bột trắng khi mở hộp màn hình, hãy lau bằng miếng vải.





- Thao tác cẩn thận với màn hình do màn hình màu hơi tối có thể bị trầy xước và để lại vết trầy màu trắng có màu sáng hơn màu sáng của màn hình.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng hình nền bảo vệ màn hình tự động thay đổi và Tắt màn hình khi không sử dụng.

## Cài Đặt Màn Hình

### Lắp Chân Đế

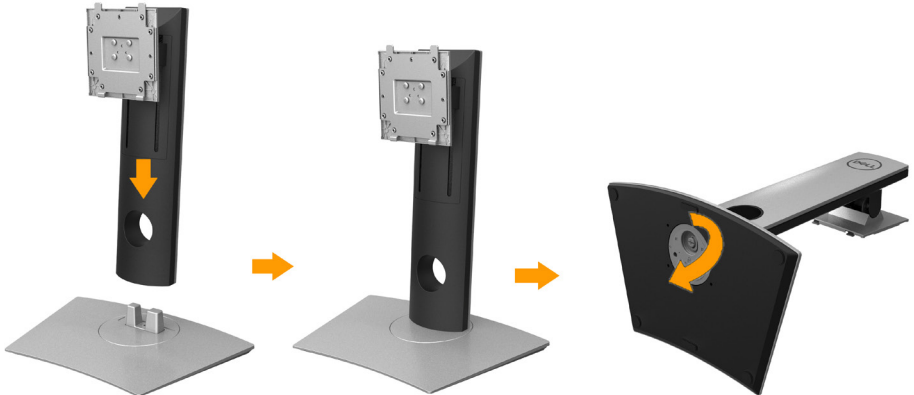
 **CHÚ Ý:** Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

 **CHÚ Ý:** : Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

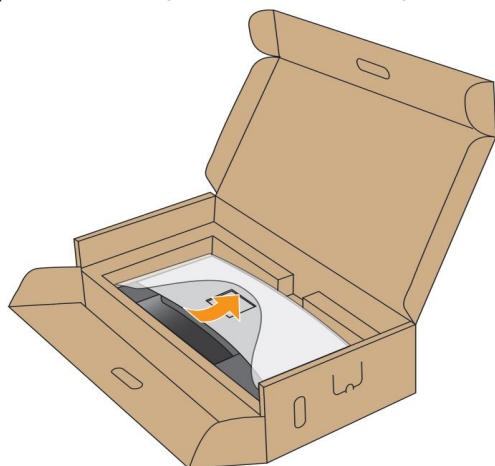
 **THẬN TRỌNG:** Không tháo màn hình khỏi hộp đóng gói trước khi gắn chân đế.

Để lắp chân đế màn hình:

- 1 Làm theo hướng dẫn trên nắp thùng carton để tháo chân đế khỏi đệm trên giữ nó.
- 2 Lắp các phần bên chân đế vào hoàn toàn khe chân đế.
- 3 Nâng tay cầm vít lên và xoay vít theo chiều kim đồng hồ.
- 4 Sau khi siết chặt vít, gập tay cầm vít xuống phần thụt vào.

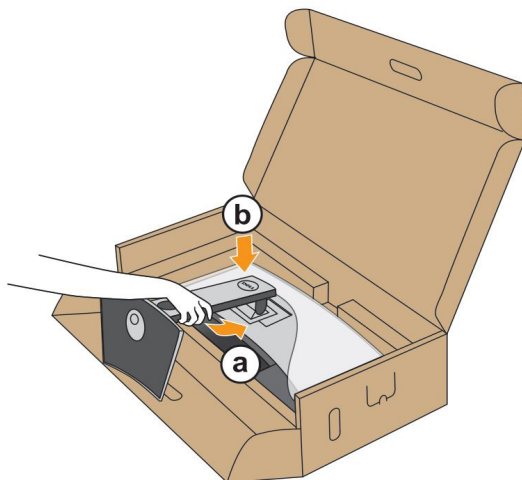


5. Nhấc nắp, như minh họa, để làm hở khu vực VESA để lắp bộ chân đế.



6. Gắn bộ chân đế vào màn hình.

- a. Lắp hai tab ở phần trên của chân đế vào rãnh phía sau màn hình.
- b. Ấn xuống chân đế cho đến khi nó khớp vào vị trí.



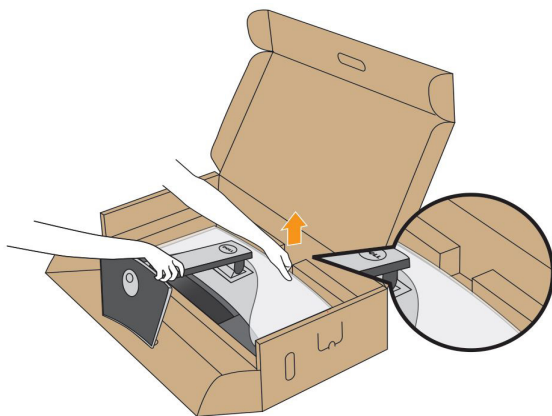


7. Đặt màn hình thẳng đứng.

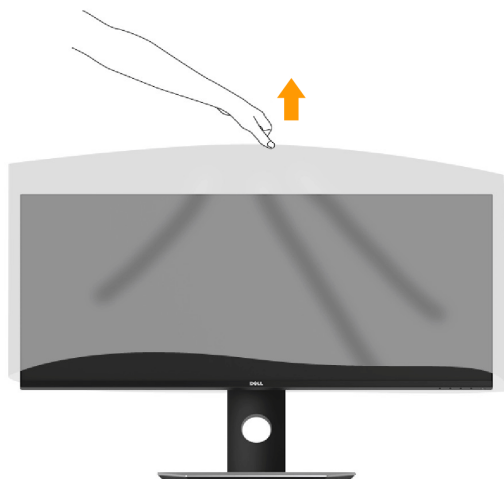
a. Trượt một tay trong vùng cắt trên đệm dưới cùng và sử dụng tay khác để giữ chân đế.

b Nhấc màn hình cẩn thận để nó không bị trượt hoặc rơi.

△ **THẬN TRỌNG:** Không nhấn lên màn hình bằng điều khiển khi nâng màn hình.



8. Tháo nắp k hởi màn hình.



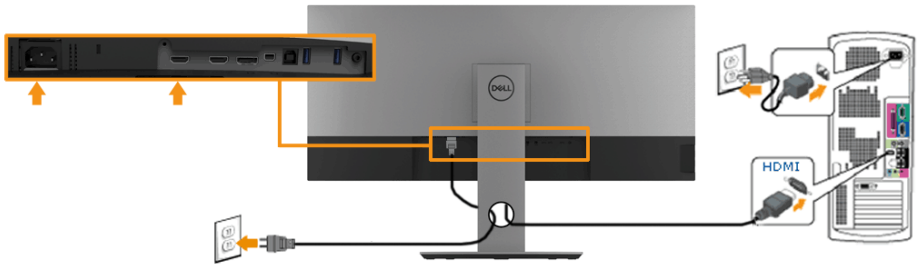
## Kết Nối Màn Hình Của Bạn

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo Hướng Dẫn Về An Toàn.

Để kết nối với màn hình của bạn với máy tính:

1. Tắt máy tính của bạn và ngắt kết nối cáp nguồn.
2. Kết nối cáp DP/Mini-DP sang DP/HDMI từ màn hình của bạn vào máy tính.

### Kết nối cáp HDMI



### Kết nối cáp DisplayPort đen (DP sang DP)



### Kết nối cáp DisplayPort đen (Mini-DP sang DP)



## Kết nối cáp USB 3.0

**CHÚ Ý:** Để tránh hư hỏng hoặc mất mát, trước khi thay đổi các cổng lên USB, đảm bảo không có thiết bị lưu trữ USB nào đang được sử dụng bởi máy tính kết nối với cổng lên USB của màn hình.

Sau khi bạn đã kết nối xong cáp Mini-DP sang Mini-DP / Mini-DP / HDMI, hãy làm theo các bước sau để kết nối cáp USB 3.0 với máy tính và hoàn tất cài đặt màn hình của bạn:

1. Kết nối cổng lên USB 3.0 (cáp được cung cấp) với cổng USB 3.0 thích hợp trên máy tính của bạn. (Xem Mặt bên để biết thêm chi tiết.)
2. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với các cổng USB 3.0 xuống trên màn hình.
3. Cắm cáp nguồn của (các) máy tính và màn hình vào ổ cắm ở gần.
4. Bật màn hình và (các) máy tính.

Nếu màn hình của bạn hiển thị một hình ảnh, thì cài đặt đã hoàn tất. Nếu nó không hiển thị hình ảnh, hãy xem Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dạng (USB).

5. Sử dụng khe cáp trên chân đế màn hình để quản lý cáp



**LƯU Ý:** Các hình đồ họa chỉ được sử dụng vì mục đích minh họa. Hình dạng trên máy tính có thể khác nhau.





## Quản Lý Cáp Của Bạn

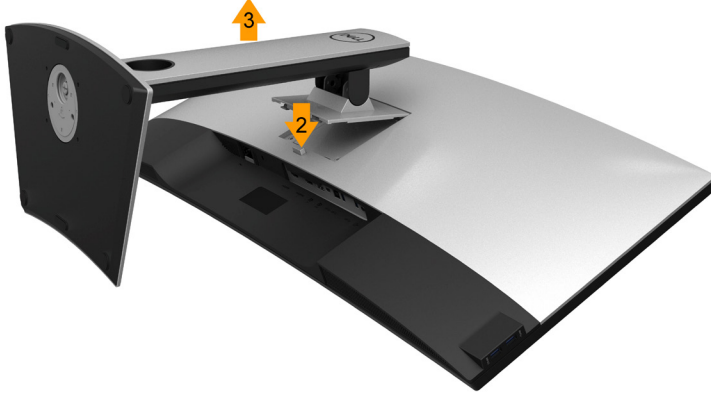


Sau khi lắp tất cả các cáp cần thiết vào màn hình và máy tính của bạn, (Xem Kết Nối Màn Hình Của Bạn về lắp cáp,) sắp xếp tất cả các loại cáp như minh họa ở trên.



## Tháo Chân Đế Màn Hình

-  **CHÚ Ý:** Để ngăn ngừa xước và hỏng màn hình cong LCD khi tháo chân đế, đảm bảo phải đặt màn hình trên lớp xốp sạch, mềm. Tiếp xúc trực tiếp với các vật cứng có thể làm hư hỏng màn hình cong.
-  **CHÚ Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

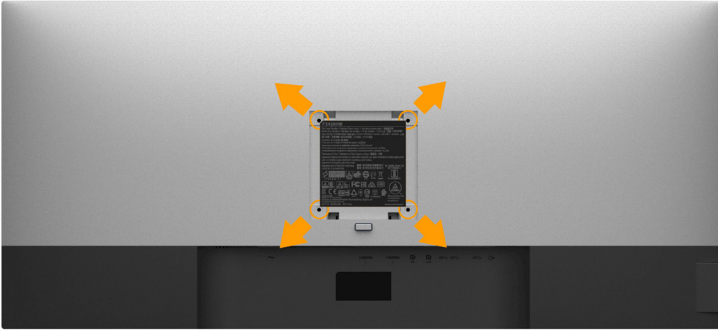


Để tháo chân đế:

- 1 Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.
- 2 Nhấn và giữ nút nhả chân đế.
- 3 Nhấc chân đế ra khỏi màn hình.



## Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo hướng dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích VESA.

- 1 Đặt khung màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- 2 Tháo chân đế.
- 3 Sử dụng một tuốc nơ vít Phillips đầu tròn để tháo bốn vít bảo vệ nắp nhựa.
- 4 Lắp giá treo tường của bộ giá đỡ treo tường vào màn hình.
- 5 Lắp màn hình lên tường bằng cách làm theo các hướng dẫn đi kèm với bộ giá đỡ treo tường.

**CHÚ Ý:** Chỉ sử dụng với giá treo tường có trong danh sách UL, có khả năng chịu trọng lượng/tải tối thiểu 6.87 kg (P3418HW).



# Sử Dụng Màn Hình

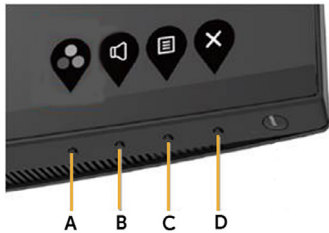
## Bật Nguồn Màn Hình





Nhấn nút  để bật màn hình.



## Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước

Dùng các nút chức năng ở mặt trước màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.







Bảng Điều Khiển Phía Mô tả Trước		Mô tả
A	 Phím tắt	Dùng nút <b>Chế độ cài sẵn</b> để chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn. Xem <b><u>Using the OSD Menu</u></b> .
B	 Phím tắt	Sử dụng nút <b>Độ sáng/Độ tương phản</b> để truy cập vào menu điều khiển "Độ sáng" và "Độ tương phản".
C	 Menu	Dùng nút <b>Menu</b> để mở menu ảo (OSD).
D	 Thoát	Dùng nút <b>Thoát</b> để thoát menu ảo (OSD) khỏi menu và các menu phụ.




## Nút mặt trước



Nút mặt trước		Mô tả
A	 Lên	Dùng nút <b>Lên</b> để chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
B	 <b>Xuống</b>	Dùng nút <b>Xuống</b> để chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
C	 OK	Dùng nút <b>OK</b> để xác nhận lựa chọn của bạn.
D	 <b>Quay lại</b>	Dùng nút <b>Trở về</b> để trở về menu trước.

## Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD)

### Truy cập hệ thống menu

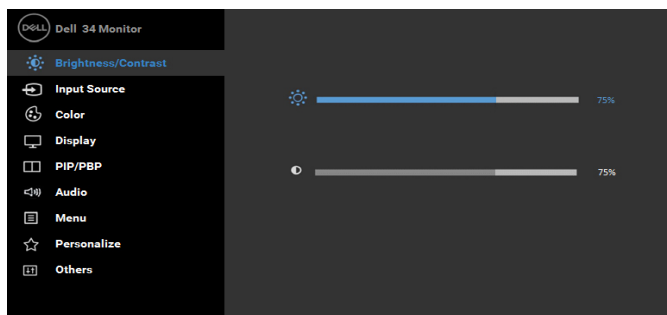
 **LƯU Ý:** Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiếp tục chuyển sang một menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu lại các thay đổi này. Các thay đổi cũng được lưu lại nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó đợi menu OSD biến mất.















1. Press Nhấn nút  để mở menu OSD và hiển thị menu chính.


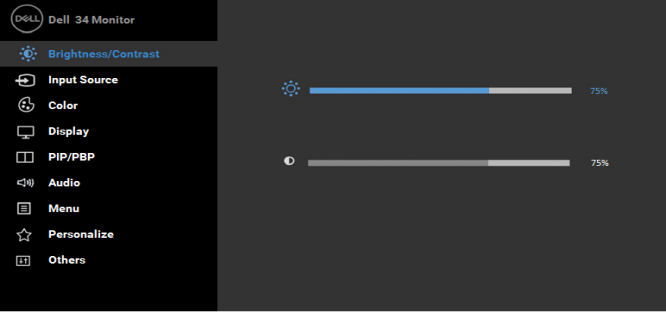





## Menu chính




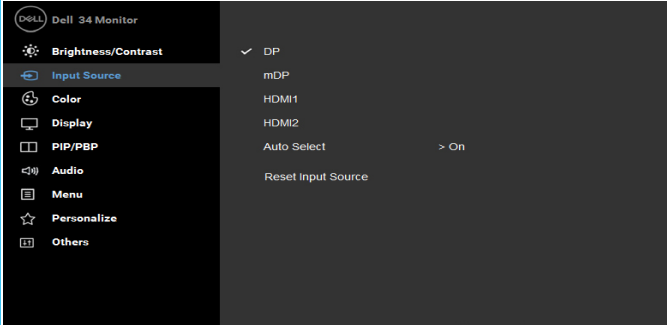




2. Nhấn các nút  và  để chuyển đổi giữa các tùy chọn trong Menu. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm.
3. Để chọn mục vừa bôi đậm trên menu, nhấn lại nút .
4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn nút  để vào thanh trượt và sau đó sử dụng các nút  hoặc  các chỉ báo trên menu để thực hiện các thay đổi.
6. Chọn  để trở về menu trước mà không chấp nhận các cài đặt hiện hành hoặc  để chấp nhận và trở về menu trước.

Bảng dưới đây cung cấp danh sách tất cả các tùy chọn menu OSD và chức năng liên quan.



Biểu tượng	Menu và Menu phụ	Mô tả
	<b>Độ sáng/ Độ tương phản</b>	<p>Sử dụng menu này để kích hoạt điều chỉnh Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản).</p>  
	<b>Độ sáng</b>	<p>Brightness (Độ sáng) điều chỉnh độ sáng của đèn nền. Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).</p> <p><b>CHÚ Ý: Điều chỉnh bằng tay Brightness (Độ sáng) bị tắt khi Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động) được chuyển sang Bật</b></p>
	<b>Độ tương phản</b>	<p>Trước tiên, điều chỉnh Brightness (Độ sáng), sau đó điều chỉnh Contrast (Độ tương phản) chỉ khi cần điều chỉnh thêm.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100).</p>



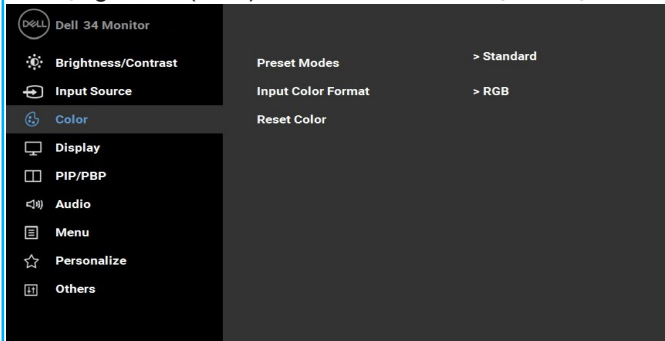
	<b>Nguồn Đầu Vào</b>	<p>Sử dụng menu Input Source (Nguồn Đầu Vào) để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.</p>  
	<b>DP</b>	Chọn đầu vào DP khi bạn sử dụng đầu nối DisplayPort (DP). Nhấn  để chọn nguồn đầu vào DisplayPort.
	<b>mDP</b>	Chọn đầu vào mDP khi bạn sử dụng đầu nối Mini DisplayPort (mDP).
		Nhấn  để chọn nguồn đầu vào DisplayPort mini.
	<b>HDMI 1</b>	Chọn đầu vào <b>HDMI 1</b> khi bạn sử dụng đầu nối HDMI 1. Nhấn  để chọn nguồn đầu vào HDMI 1.
	<b>HDMI 2</b>	Chọn đầu vào <b>HDMI 2</b> khi bạn sử dụng đầu nối HDMI 1. Nhấn  để chọn nguồn đầu vào HDMI 1..
	<b>Chọn Tự Động</b>	Bật chức năng này sẽ cho phép bạn quét tìm các nguồn đầu vào có sẵn.
	<b>Đặt Lại Nguồn Đầu Vào</b>	Đặt lại cài đặt đầu vào của màn hình của bạn về cài đặt gốc.





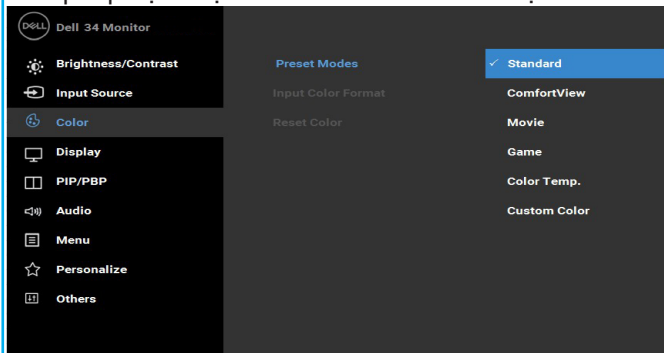
## Màu

Sử dụng Color (Màu) để điều chỉnh chế độ cài đặt màu.





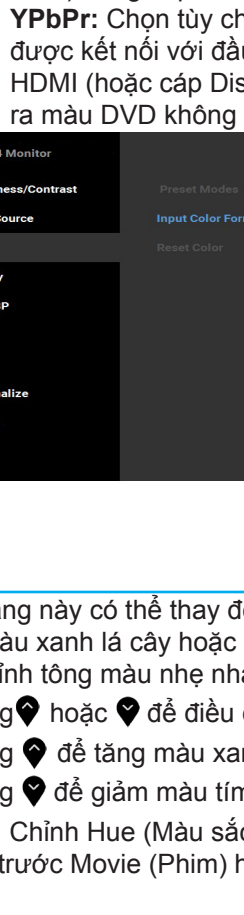








## Chế Độ Cài Đặt Trước

Cho phép bạn chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn.






- **Standard (Tiêu Chuẩn):** Tải cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài đặt trước mặc định.
- **ComfortView:** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để xem thoải mái hơn cho đôi mắt của bạn.  
**LƯU Ý:** Để giảm nguy cơ căng mắt và đau cổ/tay/lưng/vai từ việc sử dụng màn hình trong thời gian dài, chúng tôi đề nghị bạn:
  - Đặt màn hình cách tầm mắt của bạn khoảng 50-70 cm (20-28 inch).
  - Thường xuyên chớp mắt để làm ẩm ướt hoặc mắt khi bạn làm việc với màn hình.
  - Nghỉ giải lao thường xuyên và đều đặn khoảng 20 phút sau mỗi hai tiếng.
  - Nhìn xa từ màn hình của bạn và nhìn chăm vào một vật thể ở xa với khoảng cách 20 foot ít nhất 20 giây trong giờ giải lao.
  - Thực hiện duỗi thẳng tay chân để làm giảm căng thẳng ở cổ/tay/lưng/vai trong giờ giải lao.
- **Phim:** Tải cài đặt màu lý tưởng cho phim.
- **Trò chơi:** Tải cài đặt màu lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi trò chơi.


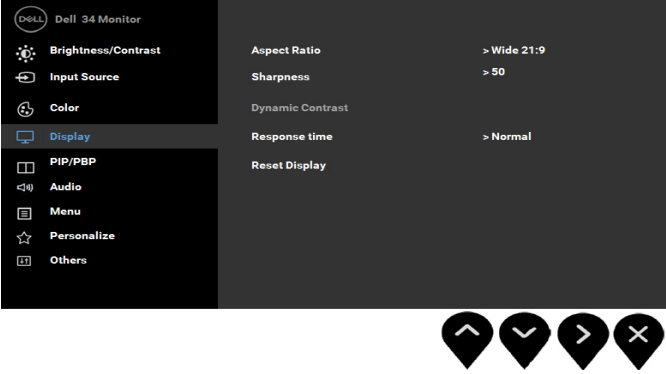





	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nhiệt Độ Màu:</b> Cho phép người dùng chọn nhiệt độ màu: 5000K, 5700K, 6500K, 7500K, 9300K, và 10000K</li> <li>• <b>Màu Tùy Chỉnh:</b> Cho phép bạn tự điều chỉnh các cài đặt màu 6 trục. Nhấn nút  và  để điều chỉnh giá trị màu 6 trục và tạo ra tùy chỉnh màu cài đặt trước của riêng bạn.</li> </ul>
<b>Định Dạng Màu Đầu Vào</b>	<p>Cho phép bạn thiết lập chế độ đầu vào video sang:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>RGB:</b> Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy (Định Dạng tính (hoặc đầu DVD) bằng cáp HDMI (hoặc cáp DisplayPort).</li> <li>• <b>YPbPr:</b> Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với đầu DVD bằng YPbPr bằng cáp HDMI (hoặc cáp DisplayPort).Hoặc nếu cài đặt đầu ra màu DVD không phải là RGB</li> </ul>  <p style="text-align: right;">     </p>
<b>Màu sắc</b>	<p>Tính năng này có thể thay đổi màu của hình ảnh video sang màu xanh lá cây hoặc màu tím. Được sử dụng để điều chỉnh tông màu nhẹ nhàng theo mong muốn.</p> <p>Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh màu từ '0' sang '100'.</p> <p>Sử dụng  để tăng màu xanh lá của hình ảnh video.</p> <p>Sử dụng  để giảm màu tím của hình ảnh video.</p> <p><b>CHÚ Ý:</b> Chỉnh Hue (Màu sắc) chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).</p>



	<b>Độ bão hòa</b>	<p>Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hòa màu của hình ảnh video.</p> <p>Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh màu từ '0' sang '100'.</p> <p>Sử dụng  để tăng màu xanh lá của hình ảnh video.</p> <p><b>CHÚ Ý:</b> Saturation (Độ bão hòa) chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).</p>
	<b>Đặt Lại Màu</b>	Đặt lại cài đặt màu của màn hình của bạn về cài đặt gốc.



	<b>Hiển Thị</b>	<p>Sử dụng Display (Hiển Thị) để điều chỉnh ảnh.</p> 
<b>Tỷ Lệ Khung Hình</b>		Điều chỉnh tỷ lệ hình ảnh sang Wide 21:9 (Rộng 21:9), Auto Resize (Kích cỡ tự động), 4:3.
<b>Độ Nét</b>		Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc mềm. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ nét từ '0' sang '100'.
<b>Độ Tương Phản Động</b>		Cho phép bạn tăng mức tương phản để ảnh có chất lượng chi tiết hơn và sắc nét hơn. Nhấn  để chọn Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động) "On" (Bật) hoặc "Off" (Tắt). <b>CHÚ Ý:</b> Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động) cung cấp tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài đặt sẵn Game (Trò chơi) hoặc Movie (Phim).
<b>Thời Gian Phản Hồi</b>		Cho phép bạn đặt Response Time (Thời Gian Phản Hồi) sang Normal (Bình thường) hoặc Fast (Nhanh).
<b>Cài Đặt Lại</b>		Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt hiển thị mặc định.

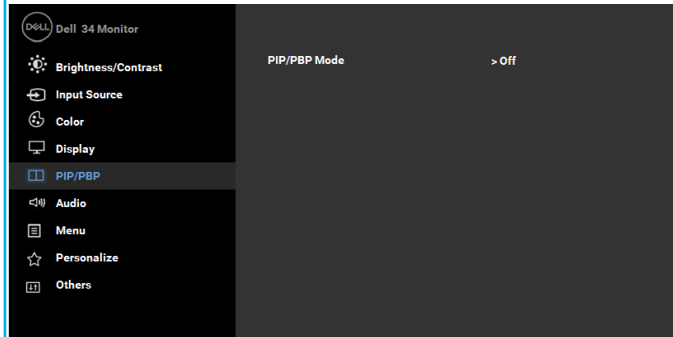






## PIP/PBP

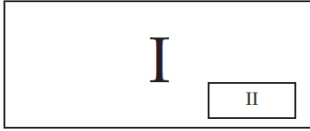
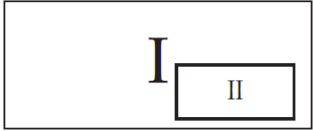
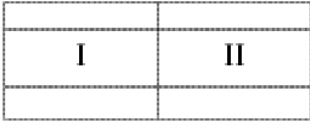
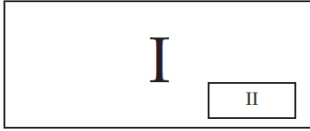
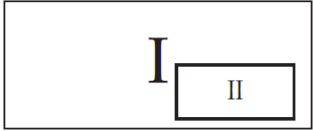
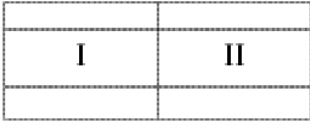
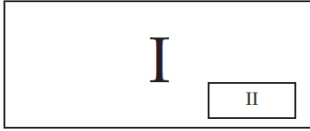
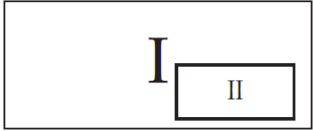
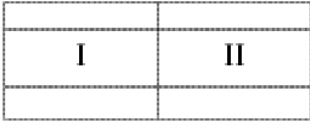





Chức năng này sẽ trả về một cửa sổ hiển thị hình ảnh từ nguồn đầu vào khác




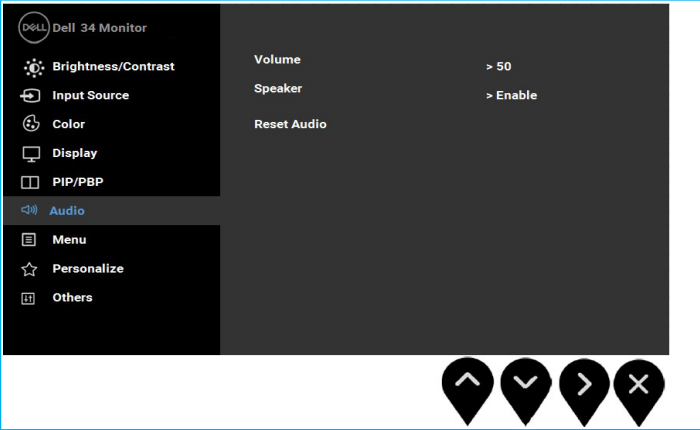


Main Window	Sub-Window			
	DP	mDP	HDMI 1	HDMI 2
DP	X	✓	✓	✓
mDP	✓	X	✓	✓
HDMI 1	✓	✓	X	✓
HDMI 2	✓	✓	✓	X

**CHÚ Ý:** Những hình ảnh dưới PBP sẽ được hiển thị ở trung tâm màn hình, không phải ở toàn màn hình.


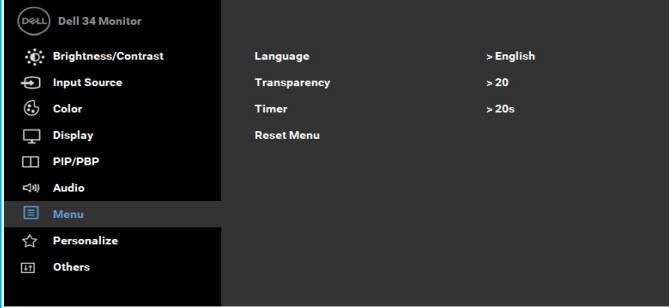




<p><b>Chế độ PIP/PBP</b></p>	<p>Điều chỉnh chế độ PIP/PBP (Ảnh trong Ảnh/Ảnh theo Ảnh) sang PIP (Chế độ Small (PIP Nhỏ), PIP Large (PIP Lớn), PBP. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Off (Tắt).</p> <table border="1" data-bbox="333 244 1014 624"> <thead> <tr> <th data-bbox="333 244 673 276">PIP Small (PIP Nhỏ)</th> <th data-bbox="673 244 1014 276">PIP Large (PIP Lớn)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="333 276 673 432">  </td> <td data-bbox="673 276 1014 432">  </td> </tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="333 432 1014 472" style="text-align: center;"><b>PBP</b></td> </tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="333 472 1014 624">  </td> </tr> </tbody> </table>	PIP Small (PIP Nhỏ)	PIP Large (PIP Lớn)			<b>PBP</b>			
PIP Small (PIP Nhỏ)	PIP Large (PIP Lớn)								
									
<b>PBP</b>									
									
<p><b>PIP/PBP Phụ</b></p> <p><b>Vị trí PIP</b></p>	<p>Lựa chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn cho cửa sổ phụ PIP/PBP.</p> <p>Chọn vị trí cửa sổ phụ PIP</p> <p>Sử dụng  hoặc  để duyệt và  để chọn Top-Left (Phía trên bên trái), Top-Right (Phía trên bên phải), Bottom-Right (Phía dưới bên phải), hoặc Bottom-Left (Phía dưới bên trái).</p>								
<p><b>Chuyển đổi video</b></p>	<p>Chọn để chuyển đổi video giữa cửa sổ chính và phụ trong chế độ PIP/PBP.</p>								
<p><b>Audio</b></p>	<p>Allows you to set the audio source from the main window or the-sub window.</p>								
<p><b>Tương phản (Phụ)</b></p>	<p>Điều chỉnh độ tương phản của hình ảnh ở chế độ PIP/PBP. Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản.</p>								



	<b>Âm thanh</b>	
	<b>Âm lượng</b>	Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh mức âm lượng từ '0' đến '100'.
	<b>Loa</b>	Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng loa.
	<b>Đặt lại âm thanh</b>	Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt âm thanh mặc định.



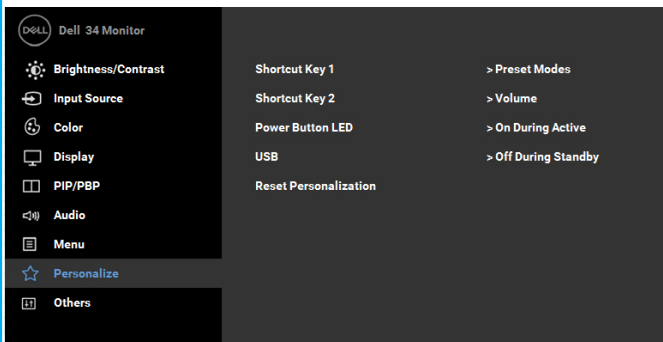
	<b>Menu</b>	<p>Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như, các ngôn ngữ của OSD, số thời gian menu vẫn còn trên màn hình, và vân vân.</p> 
	<b>Ngôn ngữ</b>	<p>Các tùy chọn Language (Ngôn ngữ) đặt màn hình hiển thị OSD về một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha gốc Braxin, Nga, Tiếng Trung Quốc giản thể, hay Nhật Bản).</p>
	<b>Transparency (Độ trong suốt)</b>	<p>Cho phép bạn chỉnh phong nền menu OSD từ mờ sang trong suốt.</p>
	<b>Timer (Hẹn giờ)</b>	<p>Cho phép bạn cài giờ mà theo đó menu OSD sẽ vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút trên màn hình.</p> <p>Dùng các nút  và  để chỉnh thanh trượt tăng 1 giây từ 5 đến 60.</p>
	<b>Cài lại menu</b>	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt menu mặc định.</p>





## Cá nhân hóa

Người dùng có thể chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Input Source (Nguồn Đầu Vào)**, **Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)**, **Volume (Âm lượng)**, **PIP/PBP Mode (Chế độ PIP/PBP)**, **USB Select Switch (Công tắc chọn USB)**, hoặc **Video Swap (Chuyển đổi video)** và đặt nó làm phím tắt.



## Đèn LED Nút Nguồn USB

Cho phép bạn đặt Bật hoặc Tắt đèn LED nguồn để tiết kiệm năng lượng.

Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng USB trong chế độ chờ màn hình.

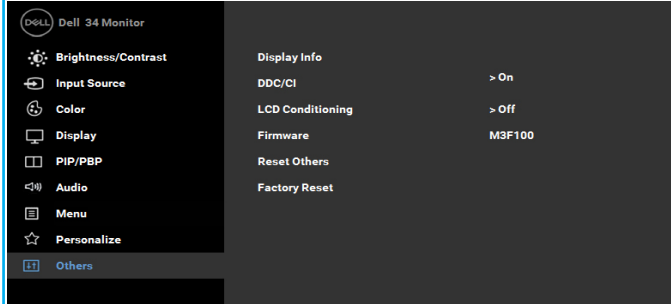
**CHÚ Ý:** BẬT/TẮT USB trong chế độ chờ chỉ có sẵn khi cáp lên USB được rút. Tùy chọn này sẽ có màu xám khi cáp lên USB được cắm vào.





## Khác

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh cài đặt OSD, như DDC/CI, LCDConditioning (Điều Tiết LCD), và v.v...

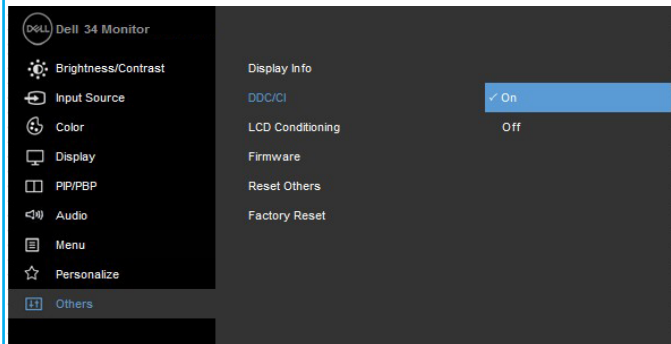


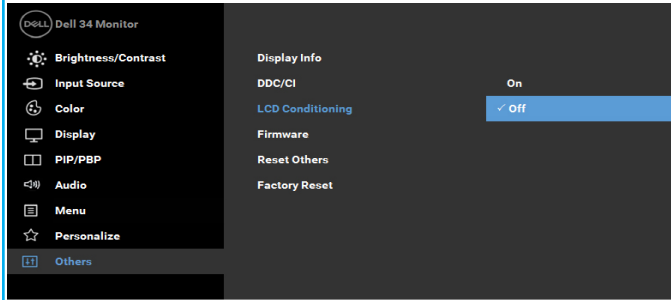

## Thông tin hiển thị

Hiển thị cài đặt hiện tại của màn hình.

## DDC/CI

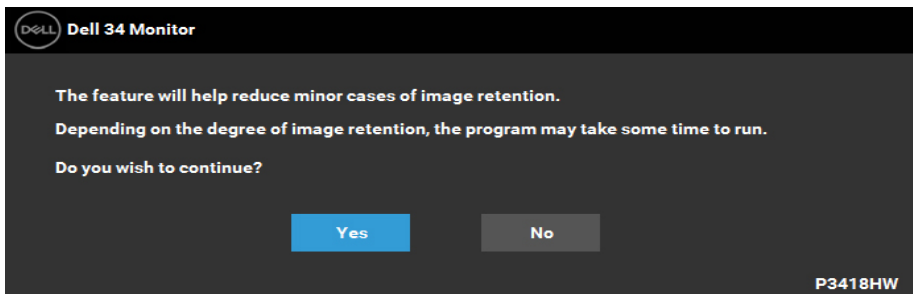
DDC/CI (Kênh Dữ Liệu Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn giám sát các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu, và vv) có thể được điều chỉnh qua phần mềm trên máy tính của bạn. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Disable** (Đóng). Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và có hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



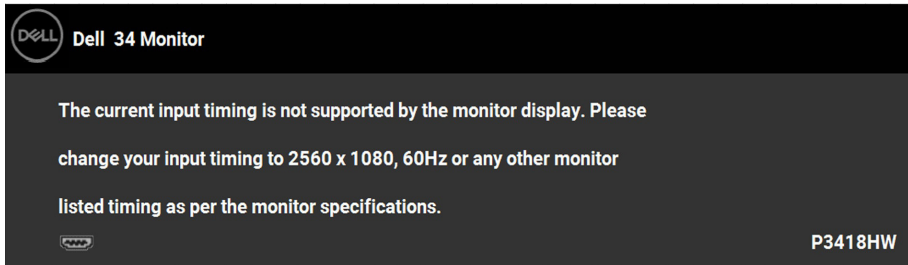
<p><b>Điều Tiết LCD</b></p>	<p>Giúp giảm bớt hiện tượng lưu ảnh. Tùy thuộc vào mức độ của hiện tượng lưu ảnh, chương trình có thể mất một lúc để chạy. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn Enable (Mở).</p>  <p style="text-align: right;">  </p>
<p><b>Đặt lại khác</b></p>	<p>Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu Others (Khác) về giá trị cài đặt trước của nhà máy.</p>
<p><b>Khôi Phục Cài Đặt Gốc</b></p>	<p>Đặt lại cả các cài đặt về giá trị cài đặt trước của nhà máy.</p>

**Thông Báo Cảnh Báo OSD**

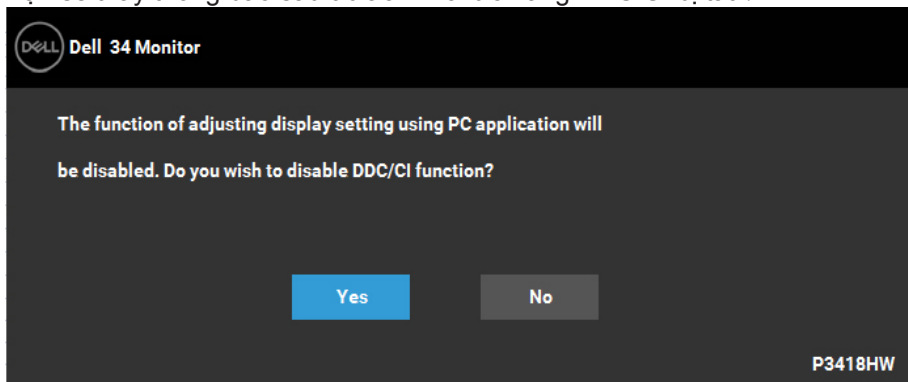
Khi tính năng Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động) được bật (trong các chế độ cài đặt trước này: Game (Trò chơi) hoặc Movie (Phim)), điều chỉnh độ sáng bằng tay bị vô hiệu.



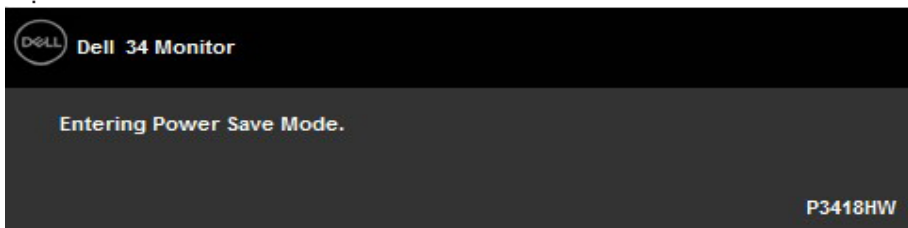
Khi màn hình không hỗ trợ chế độ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn sẽ thấy có thông báo sau:



Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với các tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem Thông Số Màn Hình để biết phạm vi tần số ngang và dọc mà màn hình này có thể xử lý được. Chế độ khuyến dùng là 2560 x 1080. Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng DDC/CI bị tắt: :



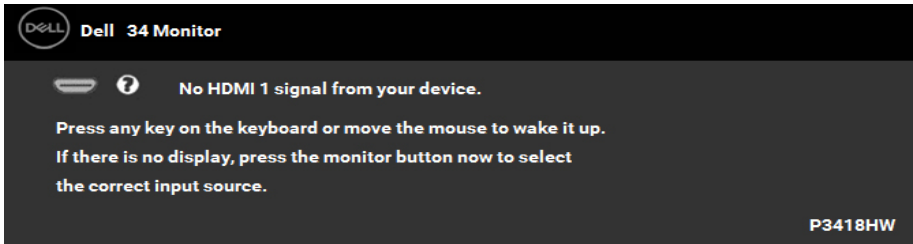
Khi màn hình vào chế độ Power Save (Tiết Kiệm Điện), thông báo sau sẽ xuất hiện:



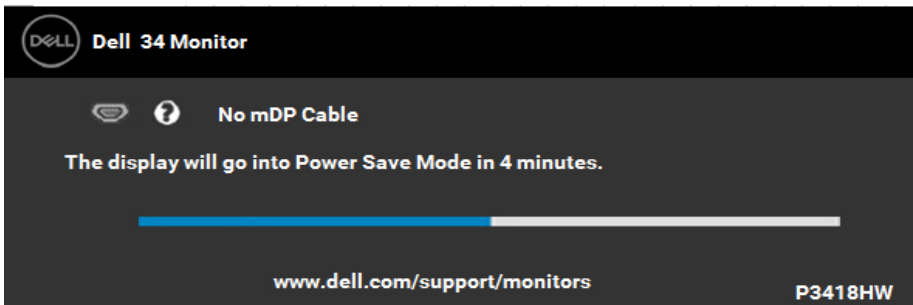
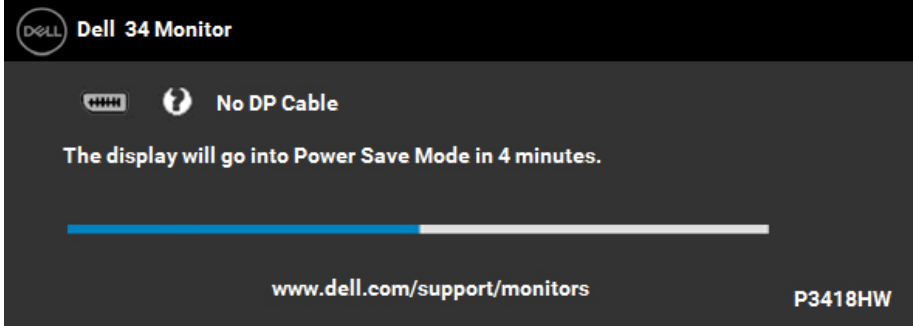


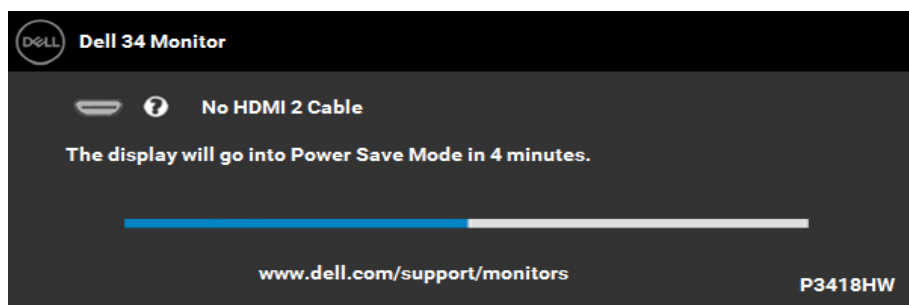
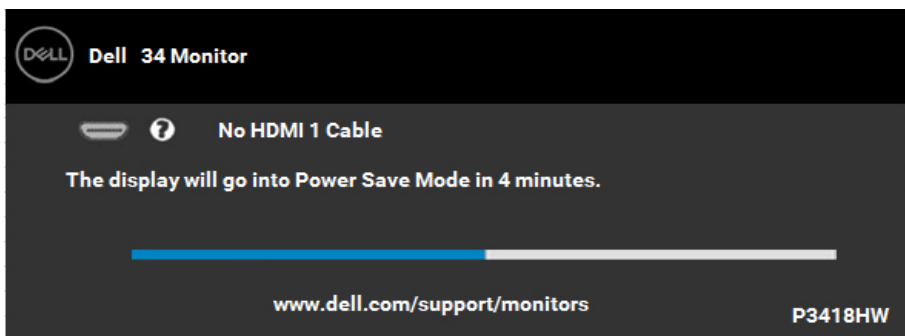
Bật máy tính và đánh thức màn hình để truy cập vào **OSD**.

Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, thì một trong những thông báo sau đây sẽ xuất hiện tùy thuộc vào đầu vào được chọn:



Nếu chưa cắm cáp DP, mDP, HDMI 1 hoặc HDMI 2 hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị. Màn hình sẽ vào Power Save Mode after 4 minutes (Chế độ tiết kiệm điện sau 5 phút) nếu vẫn còn giữ ở trạng thái này.





Xem Khắc phục sự cố để biết thêm thông tin.



## Cài đặt độ phân giải tối đa

Để đạt hiệu suất màn hình tối ưu trong khi dùng các hệ điều hành Microsoft Windows, hãy cài độ phân giải màn hình sang 2560 x 1080 pixel bằng cách thực hiện các bước sau:

Trong Windows® 7, Windows® 8, và Windows® 8.1:

1. Chỉ áp dụng cho Windows® 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp Screen Resolution (Độ phân giải màn hình).
3. Nhấp danh sách độ phân giải màn hình sổ xuống và chọn 2560 x 1080.
4. Nhấp OK.

### Trong Windows 10:

1. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Display settings (Cài đặt hiển thị)**.
2. Nhấp **Advanced display settings (Cài đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp danh sách **Resolution (Độ phân giải)** sổ xuống và chọn 2560 x 1080.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

Nếu không nhìn thấy 2560 x 1080 dưới dạng tùy chọn, bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả tốt nhất về thống máy tính đang sử dụng của bạn, và thực hiện theo các hướng dẫn có sẵn

1: **Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet**

2: **Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell**



## Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet

1. Truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support), nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
2. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 2560 x 1080.



**LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang 2560 x 1080, hãy liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.

## Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell

Trong Windows Vista, Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

1. Chỉ áp dụng cho Windows® 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp Personalization (Cá nhân hóa).
3. Nhấp Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình).
4. Nhấp Advanced Settings (Cài đặt nâng cao).
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
6. Hãy tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
7. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 2560 x 1080.

Trong Windows 10:

1. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Display settings (Cài đặt hiển thị)**.
2. Nhấp **Advanced display settings (Cài đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp **Display adapter properties (Thuộc tính bộ điều hợp hiển thị)**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
5. Hãy tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com> ).
6. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 2560 x 1080.



**LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang 2560 x 1080, vui lòng liên hệ nhà sản xuất máy tính hoặc xem xét mua card đồ họa vốn sẽ hỗ trợ độ phân giải video 2560 x 1080.



# Sử dụng Nghiêng, Xoay và Kéo Thẳng

## Nghiêng, Xoay


Với chân đế được lắp vào màn hình, bạn có thể nghiêng và xoay màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.

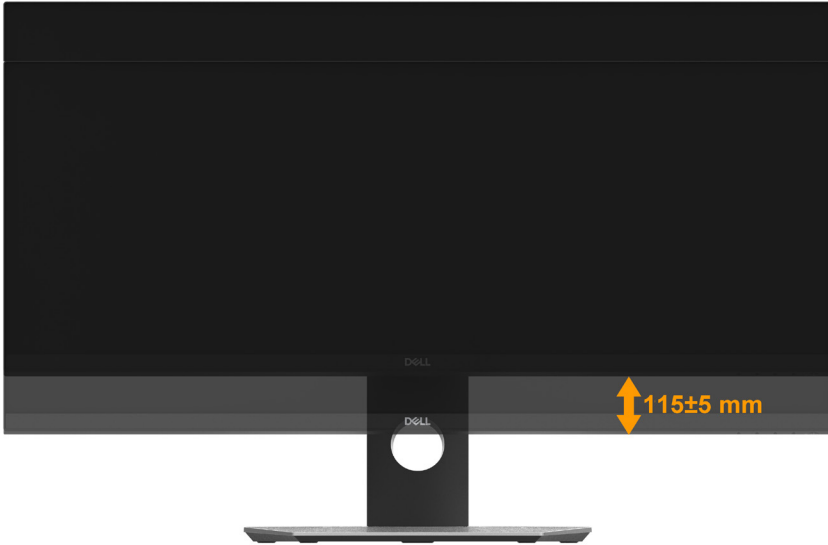


 **LƯU Ý:** Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



## Kéo Thẳng

 **LƯU Ý:** Chân đế kéo thẳng đến 115 mm. Hình dưới đây minh họa cách kéo thẳng chân đế.



# Xử lý sự cố

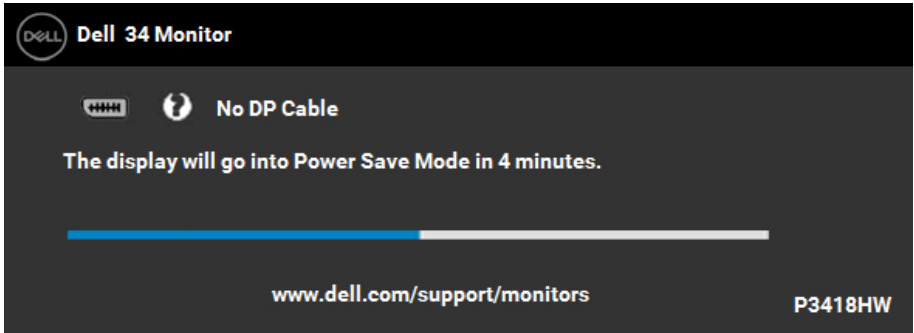
**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo Hướng Dẫn Về An Toàn.

## Tự kiểm tra

Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động tốt hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Ngắt kết nối cáp video khỏi phía sau máy tính. Để đảm bảo Tự kiểm tra hoạt động đúng, tháo tất cả các cáp số khỏi phía sau máy tính.
3. Bật màn hình.

Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận biết được tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy thuộc vào đầu vào được chọn, một trong các hộp thoại được hiển thị dưới đây sẽ tiếp tục cuộn qua màn hình.



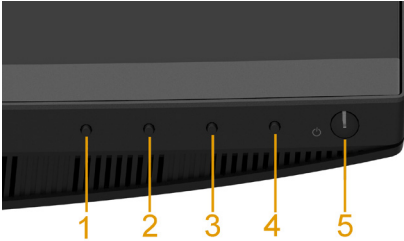
4. Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
5. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi đã sử dụng các bước trước đó, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, do màn hình của bạn vẫn hoạt động tốt.



## Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp xác định sự bất thường của màn hình bạn đang gặp phải là do vấn đề của màn hình, hoặc do máy tính và cạc video.



**LƯU Ý:** Bạn có thể chạy chẩn đoán tích hợp chỉ khi cáp video được rút bỏ và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.

Để chạy chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. Ngắt kết nối (các) cáp video khỏi phía sau máy tính hoặc màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.
3. Đồng thời nhấn và giữ Nút 1 trên bảng điều khiển phía trước trong 5 giây. Màn hình xám sẽ xuất hiện.
4. Cẩn thận kiểm tra bất thường của màn hình.
5. Nhấn lại vào Nút 1 trên bảng điều khiển phía trước. Màu màn hình đổi sang màu đỏ.
6. Kiểm tra bất thường của màn hình hiển thị.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra màn hình hiển thị trong màn hình màu xanh lá cây, xanh dương, đen, trắng và màn hình văn bản.

Việc kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn lại Nút 1. Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào ở màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, thì màn hình vẫn hoạt động tốt. Kiểm tra cạc màn hình và máy tính.





## Vấn Đề Thường Gặp

Bảng sau có các thông tin chung về các vấn đề bạn thường gặp phải với màn hình và các giải pháp có thể áp dụng:

<b>Các Triệu Chứng Thường Gặp</b>	<b>Vấn Đề Bạn Gặp Phải</b>	<b>Giải Pháp Có Thể Áp Dụng</b>
Không có video/ đèn LED nguồn tắt	Không có ảnh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li><li>• Đảm bảo ổ cắm điện hoạt động tốt bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.</li><li>• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết cỡ.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào).</li></ul>
Không có video/ đèn LED nguồn bật	Không có ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD</li><li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li><li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào).</li><li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li></ul>
Lấy Nét Kém	Hình ảnh bị mờ, lóa hoặc bóng mờ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bỏ các cáp video nối dài.</li><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Thay đổi độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình.</li></ul>
Video bị rung/ động	Ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhẹ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li><li>• Đặt lại vị trí màn hình và thử ở phòng khác.</li></ul>



Thiếu Điểm Ảnh	Màn hình LCD có các đốm	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt-bật lại nguồn.</li> <li>• Điểm ảnh mà bị Tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> </ul> <p>Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại:  <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</p>
Điểm ảnh bị bám	Màn hình LCD có các đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt-bật lại nguồn.</li> <li>• Điểm ảnh mà bị Tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> </ul> <p>Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại:  <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</p>
Vấn Đề Về Độ Sáng	Ảnh mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Điều chỉnh điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li> </ul>
Méo Hình	Màn hình không được cân giữa chính xác	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Điều chỉnh điều khiển ngang và dọc qua OSD.</li> </ul>
Đường Kẻ Ngang/Dọc	Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường kẻ này có trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>



Vấn Đề Về Đồng Bộ	Màn hình bị xô lệch hoặc có vết như bị rách	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình xô lệch có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>• Khởi động lại máy tính trong chế độ an toàn.</li> </ul>
Các Vấn Đề Liên Quan Đến An Toàn	Dấu hiệu có thể nhìn thấy khói hoặc lửa	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không thực hiện bất kỳ bước xử lý sự cố nào.</li> <li>• Liên hệ với Dell ngay</li> </ul>
Các Vấn Đề Chập Chờn	Chập chờn khi bật và tắt màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem các vấn đề chập chờn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> </ul>
Thiếu Màu	Ảnh thị thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li> <li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> </ul>



Sai Màu	Màu ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi cài đặt của Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước) trong OSD menu Color (Màu) tùy thuộc vào ứng dụng.</li> <li>• Điều chỉnh giá trị R/G/B trong Custom Color (Màu Tùy Chỉnh) trong OSD menu Color (Màu).</li> <li>• Thay đổi Input Color Format (Định Dạng Màu Đầu Vào) sang PC RGB hoặc YPbPr trong OSD menu Color (Màu).</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Luôn sử dụng tính năng Quản Lý Điện để tắt màn hình khi không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế Độ Quản Lý Điện).</li> <li>• Ngoài ra, sử dụng bộ bảo vệ màn hình tự động thay đổi.</li> </ul>



## Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa vào màn hình, nhưng không phủ khắp khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình) trong OSD menu Display (Hiện Thị).</li> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> </ul>
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển phía trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại, rồi bật lại màn hình.</li> <li>• Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa không. Nếu có, nhấn và giữ nút bên cạnh nút Nguồn trong 6 giây để mở khóa (để biết thêm thông tin, xem Lock (Khóa)).</li> </ul>
Không có Tín Hiệu Vào khi nhấn các điều khiển người dùng	Không có hình, đèn LED có màu trắng. Khi bạn nhấn các nút “up” (lên), “down” (xuống) hoặc “Menu”, thông báo “No input signal” (Không có tín hiệu vào) sẽ hiển thị.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kỳ trên bàn phím.</li> <li>• Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.</li> <li>• Khởi động lại máy tính hoặc đầu video.</li> </ul>
Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình.</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>



## Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Không có âm thanh phát ra từ loa	Không thể nghe được âm thanh nào	<ul style="list-style-type: none"><li>• Check that your monitor is turned ON.</li><li>• Reconnect the upstream cable to your computer.</li><li>• Reconnect the USB peripherals (downstream connector).</li><li>• Switch off and then turn on the monitor again.</li><li>• Re-start the computer.</li><li>• Some USB devices like external portable HDD require higher electric current; connect the device directly to the computer system.</li></ul>
Cổng USB 3.0 tốc độ cao bị chậm	Thiết bị ngoại vi USB 3.0 tốc độ cao chạy chậm hoặc không chạy chút nào	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra xem máy tính của bạn có chạy được USB 3.0 không.</li><li>• Một số máy tính có các cổng USB 3.0, USB 2.0, và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.</li><li>• Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn.</li><li>• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối xuống).</li><li>• Khởi động lại máy tính.</li></ul>
Chuột không dây không hoạt động hoặc bị trễ	Không đáp ứng hoặc đáp ứng chậm	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB 3.0 và bộ nhận USB không dây.</li><li>• Đặt bộ tiếp nhận USB không dây của bạn càng gần với chuột không dây càng tốt.</li><li>• Sử dụng cáp USB mở rộng để đặt bộ thu USB không dây càng xa cổng USB 3.0 càng tốt.</li></ul>



## Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Không có âm thanh phát ra từ loa	Không thể nghe được âm thanh nào	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tắt màn hình, rút dây nguồn màn hình, cắm lại, rồi bật màn hình.</li><li>• Kiểm tra xem kết nối cáp âm thanh được kết nối đúng chưa vào cổng ra âm thanh của máy tính.</li><li>• Rút cáp âm thanh khỏi cổng ra âm thanh.</li><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li></ul>



# Phụ lục

## Hướng dẫn an toàn

**⚠ CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem *Hướng dẫn thông tin sản phẩm*.

## Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin Quy định Khác

Để biết các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

**Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy Định FCC. Hoạt động tuân thủ hai điều kiện sau đây:**

- (1) Thiết bị này có thể không gây ra nhiễu có hại.
- (2) Thiết bị này phải chấp nhận mọi hiện tượng nhiễu sóng thu được kể cả nhiễu sóng có thể gây ra hậu quả không mong muốn.

## Liên hệ Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

**✍ LƯU Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet, bạn có thể tìm thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell cung cấp một số lựa chọn dịch vụ và hỗ trợ qua điện thoại và trực tuyến. Sự sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến —[www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors)
- Liên hệ Dell —[www.dell.com/contactdell](http://www.dell.com/contactdell)

